

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**

Chuyên ngành: **Tài chính – Ngân hàng**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ HỒNG NHÂM**

2. Ngày tháng năm sinh: 06/07/1990; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Phương Xá (nay là xã Minh Tân), huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 133/10 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ: Căn hộ C04.06, chung cư Bontanica, 112 Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0915.258.111; E-mail: nhamnth@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác:

- Từ 09/2012 đến 02/2020: Giảng viên cơ hữu tại Học viện Chính sách và phát triển, Bộ kế hoạch và Đầu tư.

- Từ 03/2020 đến nay: Giảng viên cơ hữu tại khoa Tài chính, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên tại khoa Tài chính, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: 59C Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 028. 38.295.299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 3 năm 2012;

Số văn bằng: 189760;

Ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Toán Kinh tế;

Nơi cấp bằng ĐH: Trường ĐH Kinh tế quốc dân.

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 01 năm 2015;

Số văn bằng: A102024;

Ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Toán Kinh tế;

Nơi cấp bằng ThS: Trường ĐH Kinh tế quốc dân.

- Được cấp bằng TS ngày 27 tháng 03 năm 2020;

Số văn bằng: 000029;

Ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế học;

Nơi cấp bằng TS: Trường ĐH Kinh tế quốc dân.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm, ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Với vai trò là một giảng viên đại học, tôi nhận thức giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ quan trọng và luôn bổ trợ cho nhau. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của tôi đều bám sát chuyên ngành được đào tạo về kinh tế học, tận dụng được lợi thế về phương pháp nghiên cứu định lượng. Bên cạnh đó, các công trình nghiên cứu của tôi cũng gắn liền với chuyên ngành mà tôi đang giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hướng dẫn người học tại khoa Tài chính; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường và thích ứng với xu hướng phát triển chung của đất nước cũng như quốc tế. Chính vì vậy, các nghiên cứu trong thời gian qua của tôi tập trung theo ba hướng nghiên cứu chính bao gồm: Thị trường tài chính và các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển của doanh nghiệp; Hiệu quả doanh nghiệp và quản trị tài chính; Các vấn đề kinh tế vĩ mô, toàn cầu hóa gắn với phát triển bền vững. Những định hướng nghiên cứu này được thể hiện trong 52 công trình khoa học, được công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế uy tín, các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế có phản biện. Trong số đó, có 14 bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI/ Scopus như: *Technological and Economic Development of Economy* (SSCI, Scopus Journal), *Technological Forecasting & Social Change* (SSCI, Scopus Journal), *Technology in Society* (SSCI, Scopus Journal), *Journal of Economics and Business* (SSCI, Scopus Journal), *Journal of Risk and Financial Management* (Scopus Journal)... Các hướng nghiên cứu cụ thể bao gồm:

- Hướng nghiên cứu thứ nhất: Thị trường tài chính và các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển của doanh nghiệp

Đây là chủ đề xuyên suốt trong quá trình nghiên cứu của ứng viên kể từ khi bắt đầu nghiên cứu cho đến nay. Hướng nghiên cứu này được thể hiện rõ nét và phân tích tương đối toàn diện trong luận án tiến sĩ về các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Khả năng tiếp cận tài chính khó khăn buộc các doanh nghiệp mất thêm các chi phí, cả chính thức và phi chính thức để có thể có được các khoản vay, hoặc/và phải tiếp cận thị trường phi chính thức với mức lãi suất cao, theo đó làm gia tăng chi phí của doanh nghiệp. Đóng góp quan trọng của luận án là xây dựng được khung lý thuyết và xác định được đầy đủ các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận tài chính (chính thức và phi chính thức) của các doanh nghiệp góp phần tháo gỡ các rào cản tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận vào thị trường vốn vay tín dụng (nguồn vốn quan trọng nhất của các doanh nghiệp hiện nay), đồng thời giảm các chi phí tài chính khác. Bên cạnh đó, khi nghiên cứu theo hướng thứ nhất, tôi nhận thấy một số rào cản bên ngoài từ thị trường tài chính cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận thị trường vốn vay tín dụng của doanh nghiệp. Do đó, một số công trình gần đây tôi đi sâu hơn vào nghiên cứu về thị trường tài chính: lãi suất, tỷ lệ an toàn vốn, mức độ chấp nhận rủi ro của các ngân hàng thương mại; thị trường trái phiếu quốc tế, mối liên hệ giữa dầu thô, vàng, chứng khoán và tiền điện tử...

Các kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu thứ nhất được thể hiện trong các công trình nghiên cứu sau đây:

+ **17 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế uy tín theo số thứ tự trong mẫu 1 (mục số 7): [1], [2], [3], [4], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [16], [21], [26], [29], [34], [39], [51]. Trong đó có 03 công trình được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín (số thứ tự [26], [29], [34]) như: *Technological Forecasting & Social Change* (tạp chí thuộc danh mục ISI (SSCI), Scopus), *Journal of Risk and Financial Management* (tạp chí thuộc danh mục Scopus)...

+ **02 đề tài KHCN các cấp** theo số thứ tự trong mẫu 1 (mục số 6), trong đó 01 đề tài KHCN cấp Nhà nước theo thứ tự số [2], ứng viên là thành viên thực hiện đề tài; 01 đề tài cấp Cơ sở theo thứ tự số [4], ứng viên là chủ nhiệm đề tài.

+ **03 sách tham khảo** (mục số 5) bao gồm: theo số thứ tự [1], [3] ứng viên là thành viên chính tham gia biên soạn, số thứ tự [2] ứng viên là đồng chủ biên.

+ **02 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng thạc sĩ theo số thứ tự [3], [4] (mục số 4).

Một số công trình tiêu biểu theo định hướng nghiên cứu này bao gồm:

+ Determinants of The Accesssibility of Vietnamese Enterprises to Capital from Banks and Credit Institutions, *Journal of Economics and Development* (2019), Special Issue, Vol 21, pp.81-95.

+ An Application of a TVP-VAR Extended Joint Connected Approach to Explore Connectedness between WTI Crude Oil, Gold, Stock and Cryptocurrencies during the Covid – 19 Health Crisis, *Technological Forecasting & Social Change* (2022), Vol 183, Article No 121909, pp. 1-15 (*tạp chí SSCI, IF=10.884, Scopus, Q1*).

+ Responses of the international bond markets to COVID-19 containment measures, *Journal of Risk and Financial Management* (2022), Vol 127, Iss 15, pp. 1-11 (*tạp chí Scopus, Q3*).

+ The application of Logistic model in identifying factors affecting capital access of SMEs in Vietnam, *Advances and Applications in Statistics* (2020), Vol 61, Iss 1, pp. 19-32 (*tạp chí ESCI*).

+ Các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận nguồn tín dụng phi chính thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam (2019), Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Khả năng và chi phí tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, trang 23-34, NXB Lao động – xã hội, ISBN: 978-604-65-4170-7.

+ An toàn vốn của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế và dự báo* (2021), Tập 769, số 15, trang 12-15.

- Hướng nghiên cứu thứ hai: Hiệu quả doanh nghiệp và quản trị tài chính

Tiếp nối theo hướng nghiên cứu thứ nhất, có thể thấy bên cạnh những rào cản từ bên ngoài tác động đến sự phát triển của doanh nghiệp, thì còn nhiều vấn đề tồn tại ở bên trong doanh nghiệp đặc biệt liên quan đến tài chính và quản trị. Vì vậy, tôi đi sâu hơn vào nghiên cứu những

vấn đề bên trong doanh nghiệp và tập trung vào đánh giá hiệu quả doanh nghiệp và quản trị tài chính. Hướng nghiên cứu này cũng gắn phần lớn với quá trình tôi tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên và học viên cao học tại Khoa Tài chính, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Theo chủ đề này, tôi tập trung nghiên cứu về cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp, dòng tiền, đầu tư của doanh nghiệp, đòn bẩy tài chính, chính sách cổ tức, hành vi nắm giữ tiền mặt của doanh nghiệp, mức độ chấp nhận rủi ro của các doanh nghiệp, cấu trúc sở hữu của doanh nghiệp... Từ đó, các công trình nghiên cứu hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính với kiểm soát sự tác động của nhiều yếu tố, gắn kết tương quan giữa sự tác động, khả năng tạo ra lợi nhuận và duy trì khả năng sinh lời bền vững của doanh nghiệp.

Các kết quả nghiên cứu và đào tạo theo hướng nghiên cứu này được thể hiện trong các công trình nghiên cứu sau đây:

+ **22 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí khoa học quốc gia, quốc tế có uy tín, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế có phản biện theo số thứ tự trong mẫu 1 (mục số 7) bao gồm: số thứ tự [5], [12], [13], [14], [15], [17], [18], [19], [20], [28], [31], [32], [33], [40], [41], [42], [43], [44], [46], [48], [49], [52]. Trong đó có 03 bài báo theo số thứ tự ([31], [32], [33]) ứng viên là tác giả chính được công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín như: *Economics Bulletin* (tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, Q3), *Economies* (tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, Q2), *Indian Journal of Economics and Development* (tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, Q4); 02 bài báo khoa học ([5], [28]) được đăng trên tạp chí *International Journal of Applied Mathematics and Statistics* (tạp chí thuộc danh mục ESCI), *Journal of Economics and Business* (tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, Q2) mà ứng viên là thành viên tham gia viết.

+ **01 đề tài KHCN cấp Cơ sở** theo số thứ tự [6] (mục số 6), ứng viên là chủ nhiệm đề tài.

+ **01 sách tham khảo** (theo số thứ tự [4] trong mục số 5, ứng viên là đồng chủ biên).

+ **02 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng thạc sĩ theo số thứ tự [1], [2] (mục số 4).

Một số công trình khoa học điển hình theo hướng nghiên cứu này bao gồm:

+ The Stochastic Frontier Production Function (SFPPF) Approach for the Analysis of Ownership Structure and Technical Efficiency of Construction Enterprises, *International Journal of Applied Mathematics and Statistics* (2019), Vol 58, Iss 4, pp. 61-74 (**tạp chí thuộc danh mục ESCI**).

+ Unexpected money growth, nonfinancial firms as large shareholders and investment-cash flow relationship: Evidence from Vietnam, *Journal of Economics and Business* (2022), Vol 119, Article No 106054, pp. 1-12 (**tạp chí thuộc danh mục ESCI, IF=3.025, Scopus, Q2**).

+ Capital structure and operational efficiency of construction enterprises in Vietnam: Approach using the percentile regression method, *Economics Bulletin* (2021), Vol 41, Iss 3, pp. 1357-1373 (**tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, Q3**).

+ Study on the impact of institutions on the labor productivity of private enterprises in Vietnam through the spillover effect from state-owned enterprises, *Economies* (2021), Vol 9, Iss 3, pp. 1-10 (**tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, Q2**).

+ Use of the stochastic frontier approach to assessing the impacts of ownership structure on the efficiency of the construction industry in Vietnam, *Indian Journal of Economics and Development* (2021), Vol 17, Iss 1, pp. 1-10 (**tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, Q4**).

+The impact of Covid 19 pandemic on the operational efficiency of businesses listed in Vietnam, *Journal of Finance & Accounting Research* (2023), Tập 20, số 1, trang 89-96.

- Hướng nghiên cứu thứ ba: Các vấn đề kinh tế vĩ mô, toàn cầu hóa gắn với phát triển bền vững

Khi nghiên cứu các rào cản đối với sự phát triển của doanh nghiệp, các vấn đề bên trong doanh nghiệp, tôi nhận thấy các chủ đề này cần phải đặt trong bối cảnh kinh tế vĩ mô, chính vì vậy tôi tiếp tục mở rộng nghiên cứu theo hướng thứ ba. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, xu hướng dịch chuyển của nguồn vốn đầu tư nước ngoài, phát triển chuỗi giá trị... đều có thể ảnh hưởng đến phát sự triển của các doanh nghiệp, hiệu quả của doanh nghiệp ở các loại hình khác nhau. Bên cạnh đó, việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất, quản lý trong các doanh nghiệp, các ngành lĩnh vực khác nhau đã, đang và sẽ tạo ra những tiềm năng lớn, tăng khả năng cạnh tranh cho các doanh nghiệp, từ đó tạo tiền đề phát triển nhanh và bền vững. Ngoài ra, hiện nay các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất đang hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn liền với vấn đề bảo vệ môi trường. Vì vậy, trong những năm gần đây, tôi tiếp tục mở rộng hướng nghiên cứu này qua việc nghiên cứu mối liên hệ giữa toàn cầu hóa kinh tế, chất lượng môi trường và tiêu thụ năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo; vai trò của số hóa trong thúc đẩy hiệu suất đổi mới môi trường... Những nghiên cứu này cũng gắn với xu thế phát triển chung của đất nước theo theo định hướng thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng xanh, kinh tế tuần hoàn nhằm mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

Các kết quả nghiên cứu theo hướng nghiên cứu thứ ba được thể hiện trong các công trình nghiên cứu sau đây:

+ **13 bài báo khoa học** được công bố trên các tạp chí khoa học quốc gia, quốc tế có uy tín, hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế có phản biện theo số thứ tự trong mẫu 1 (mục số 7) bao gồm: số thứ tự [22], [23], [24], [25], [27], [30], [35], [36], [37], [38], [46], [47], [50]. Trong đó ứng viên là tác giả chính của 05 bài báo (theo số thứ tự [22], [23], [24], [27], [30]) và 01 bài báo ứng viên là thành viên tham gia (số thứ tự [25]), các công trình khoa học này đều được công bố trên các tạp chí quốc tế có chỉ số IF cao như: *Technology in Society* (tạp chí thuộc danh mục SSCI, IF=6.879, Scopus, Q1), *Sustainable Energy Technologies and Assessments* (tạp chí thuộc danh mục ESCI, IF=7.632, Scopus, Q1), *Journal of Innovation & Knowledge* (tạp chí thuộc danh mục SSCI, IF=11.219, Scopus,

Q1), *Technological and Economic Development of Economy* (tạp chí thuộc danh mục SSCI, IF=5.656, Scopus, Q2)...

+ **03 đề tài KHCN các cấp** theo số thứ tự trong mẫu 1 (mục số 6) bao gồm: 01 đề tài cấp Cơ sở số thứ tự [1], ứng viên là chủ nhiệm đề tài; 01 đề tài KHCN cấp Bộ số thứ tự [5], ứng viên là thành viên chính thực hiện đề tài; 01 đề tài KHCN cấp Nhà nước số thứ tự [3], ứng viên là thành viên chính thực hiện đề tài.

+ **01 chương sách tham khảo** (mục số 5 theo số thứ tự [5]) ứng viên là thành viên tham gia biên soạn.

Một số công trình nghiên cứu điển hình theo định hướng nghiên cứu thứ ba bao gồm:

+ Impacts of the blue economy on economic growth in Vietnam, *Indian Journal of Economics and Development* (2021), Vol 17, No.4, pp. 777-785 (**tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, Q4**).

+ Making the Circular Economy Digital or the Digital Economy Circular? Empirical Evidence from the European Region, *Technology in Society* (2022), Vol 70, Article No 102023, pp. 1-15 (**tạp chí thuộc danh mục SSCI, IF=6.879, Scopus, Q1**).

+A Wavelet Analysis of Connectedness between Economic Globalization, Nonrenewable, and Renewable Energy Consumption, and CO2 Emission in Vietnam, *Sustainable Energy Technologies and Assessments* (2023), Vol 57, Article No 103227; pp. 1-8 (**tạp chí thuộc danh mục ESCI, IF=7.632, Scopus, Q1**).

+The importance of digitalization in powering environmental innovation performance of European countries, *Journal of Innovation & Knowledge* (2023), Vol 8, Iss 1, pp. 1-22 (**tạp chí thuộc danh mục SSCI, IF=11.219, Scopus, Q1**).

+ Nonlinear effects of digitalization on export activities: an empirical investigation in European countries, *Technological and Economic Development of Economy* (2023), Vol 8, Iss 1, pp. 1-22 (**tạp chí thuộc danh mục SSCI, IF=5.656, Scopus, Q2**).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **04 Học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn và đã nhận bằng Thạc sỹ.

- Đã hoàn thành **06 đề tài KHCN** từ cấp cơ sở trở lên, đang là thư ký khoa học của 01 đề tài KHCN cấp Bộ, chủ nhiệm của 01 đề tài KHCN cấp Tỉnh, trong đó:

- + Thành viên chính 02 đề tài cấp Nhà nước đã nghiệm thu;
- + Thành viên chính 01 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu;
- + Chủ nhiệm 03 đề tài cấp Cơ sở đã nghiệm thu;
- + Thư ký khoa học của 01 đề tài KHCN cấp Bộ đang thực hiện đúng tiến độ;
- + Chủ nhiệm 01 đề tài KHCN cấp Tỉnh đang thực hiện đúng tiến độ.

- Đã công bố **52 bài báo khoa học** trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế uy tín, các kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế có phản biện trong đó có **08 bài báo khoa học** mà ứng viên là tác giả chính được công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus.

- Đã được cấp: **02** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích (Chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước);

- Số lượng sách đã xuất bản: **05 sách (02 đồng chủ biên và 03 thành viên)**, tất cả 05 sách đều thuộc nhà xuất bản có uy tín.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

+ Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao năm 2021 (QĐ số 970/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 14/04/2022);

+ Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về giảng viên hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt thành tích cao năm 2022 (QĐ số 213/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 09/02/2023);

+ Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. HCM về thành tích xuất sắc trong hoạt động hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên giai đoạn 2020 – 2022 (QĐ số 367/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 23/02/2023);

+ Danh hiệu Top 12 Giảng viên nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kinh tế TP. HCM năm 2023;

+ Danh hiệu Giảng viên xuất sắc trong nhiều năm.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt thời gian hơn 10 năm qua, với vai trò là một giảng viên Đại học, tôi luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm và nghĩa vụ của bản thân trong việc rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất chính trị, lối sống và đạo đức; đồng thời luôn nỗ lực không ngừng để hoàn thiện và nâng cao trình độ chuyên môn; hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ về giảng dạy các chương trình và bậc học để luôn xứng đáng là một nhà giáo và là tấm gương đối với các thế hệ học trò. Bên cạnh đó, tôi cũng tham gia và đạt những thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học thông qua chủ nhiệm và tham gia các đề tài khoa học các cấp; biên soạn các sách phục vụ đào tạo, công bố các bài báo trên các tạp chí và hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; luôn hoàn thành các nhiệm vụ khác do Trường, Khoa và Bộ môn giao. Cụ thể:

Về phẩm chất đạo đức: Tôi luôn chấp hành tốt và đầy đủ đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như các quy định của Trường, Khoa và Bộ môn. Tôi luôn nỗ lực không ngừng học tập và rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị và luôn giữ tư tưởng vững vàng với vai trò là một Đảng viên. Tôi có lối sống chan hòa, cầu thị, luôn học hỏi, lắng nghe và luôn nhận được sự tin tưởng từ phía đồng nghiệp. Với tư cách là một nhà giáo, tôi luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; nêu gương tốt cho người học, tôn trọng và đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học.

Về công tác giảng dạy và hướng dẫn người học: Tôi thực hiện giảng dạy cho sinh viên các bậc đào tạo đại học và sau đại học. Tôi luôn cố gắng hoàn thiện, trau dồi và nâng cao trình độ chuyên môn trong công tác giảng dạy. Tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, đảm bảo về thời gian, chất lượng học phần, áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt cho phù hợp với đối tượng sinh viên, học viên để đem lại những nội dung kiến thức phù hợp và tiên tiến nhất cho người học... Bên cạnh đó, tôi cũng thực hiện giảng dạy theo đúng đề cương được Bộ môn, Khoa và Trường phê duyệt, đồng thời hỗ trợ tối đa người học trong việc tự học và tiếp cận các nguồn tài liệu phong phú, và đã đạt được chất lượng cao trong các chương trình đào tạo các cấp và các hệ đào tạo được phân công. Ngoài ra, tôi còn hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, học kỳ doanh nghiệp cho sinh viên đại học chính quy, các học viên cao học làm luận văn thạc sĩ và luôn tận tình hỗ trợ hướng dẫn sinh viên đại học làm nghiên cứu khoa học.

Về nghiên cứu khoa học: Tôi luôn ý thức được vai trò quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với một giảng viên giảng dạy tại trường đại học. Tôi luôn tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học: công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế; tham gia và công bố các bài báo tại các kỹ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế. Điều này đã có tôi có nhiều cơ hội để mở rộng các ý tưởng nghiên cứu, tăng cường giao lưu, trao đổi và học hỏi kiến thức, kinh nghiệm nghiên cứu từ các đồng nghiệp, chuyên gia và các nhà khoa học trong và ngoài nước. Tôi cũng có nhiều công trình được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI/Scopus. Bên cạnh đó, tôi cũng tham gia biên soạn các sách phục vụ đào tạo và chủ trì hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Cơ sở. Ngoài ra, tôi luôn có ý thức hỗ trợ, hướng dẫn sinh viên trong các hoạt động nghiên cứu khoa học. Tôi thường xuyên tham gia hướng dẫn các nhóm sinh viên tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học cấp Trường, cấp Bộ, cấp Quốc gia và đạt kết quả cao. Những hoạt động nghiên cứu này cũng đã đóng góp quan trọng để tôi nâng cao được chuyên môn, góp phần hoàn thành tốt hơn nữa nhiệm vụ giảng dạy và hướng dẫn người học tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Đánh giá chung: Trong toàn bộ quá trình công tác của bản thân, tôi luôn nỗ lực, cố gắng không ngừng cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của một nhà giáo và luôn hoàn thành tốt chức trách và các nhiệm vụ của một giảng viên đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **10 năm 9 tháng**.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018					225		225/292.5/270
2	2018-2019					270		270/351/270
3	2019-2020					225		225/292.5/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021				5	315		315/345/270
5	2021-2022			1	6	135	90	225/311/270
6	2022-2023			3	6	135	120	255/396/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Tiếng anh TOEFL iBT, do Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ (ETS) cấp.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trịnh Phạm Thị Hoài Hảo		HVCH	X		2021-2022	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 1458/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 3/6/2022
2	Bùi Thanh Duy		HVCH	X		2022-2023	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 324/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 14/1/2023
3	Trần Hoàng Kỳ		HVCH	X		2022-2023	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 324/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 14/1/2023
4	Phạm Thị Hương Liên		HVCH	X		2022-2023	Trường ĐH Kinh tế TP. HCM	QĐ số 324/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 14/1/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Kết quả hướng dẫn HVCH theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** 02 học viên theo số thứ tự [3], [4]
- **Hướng nghiên cứu 2:** 02 học viên theo số thứ tự [1], [2]
- **Hướng nghiên cứu 3:** Không

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	---	--

I Trước khi được công nhận TS							
1	Đánh giá Kinh tế Việt Nam thường niên 2017: Tháo gỡ rào cản đối với sự phát triển doanh nghiệp	TK	NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2018 (ISBN: 978-604-946-403-4)	15	Thành viên	Biên soạn Chương 2 (từ trang 97-118)	Giấy xác nhận số 35/ĐHKT-QLKHHTQT ngày 14/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo
2	Tiếp cận vốn của các Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	TK	NXB Quân đội nhân dân, 2019 (ISBN: 978-604-51-5557-8)	02	Đồng Chủ biên (02 Chủ biên)	Biên soạn Chương 2 (từ trang 71-86), Chương 3 (từ trang 142-155)	Giấy xác nhận số 36/ĐHKT-QLKHHTQT ngày 14/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo
II Sau khi được công nhận TS							
3	Các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam	TK	NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2020 (ISBN: 978-604-57-5598-3)	17	Thành viên	Biên soạn Chương 3 (từ trang 197-258)	Giấy xác nhận số 37/ĐHKT-QLKHHTQT ngày 14/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo
4	Đánh giá tác động của cấu trúc sở hữu đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp ngành xây dựng ở Việt Nam trong mối quan hệ với cơ cấu vốn	TK	NXB Tài chính, 2020 (ISBN: 978-604-79-2514-8)	03	Đồng Chủ biên (02 Chủ biên)	Biên soạn Chương 1 (từ trang 9-36), Chương 2 (từ trang 50-80), Chương 4 (từ trang 92-126)	Giấy xác nhận số 39/ĐHKT-QLKHHTQT ngày 14/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo
5	Chương sách “Rào cản trong hoạt động chuyển đổi số của	TK	NXB Thông tin và truyền thông, 2021	04	Thành viên	Tham gia viết từ trang 1-4, 17-27	Giấy xác nhận số 38/ĐHKT-QLKHHTQT ngày

các doanh nghiệp Việt Nam” thuộc Book Series “Kinh tế Việt Nam trên con đường chuyển đổi số”	(ISBN: 978-604-79-2514-8)				14/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh xác nhận về mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo
--	---------------------------	--	--	--	---

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên/ đồng chủ biên sau TS: **5 sách**

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Biên soạn sách theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** 03 sách theo số thứ tự [1], [2], [3]
- **Hướng nghiên cứu 2:** 01 sách theo số thứ tự [4]
- **Hướng nghiên cứu 3:** 01 sách theo số thứ tự [5]

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/ Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Tác động của FDI và đầu tư trong nước đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam	CN	APD.2015.B08, Đề tài cấp Cơ sở	2015-2016	31/05/2016 Xếp loại: Tốt
2	Các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng, những vấn đề đặt ra và giải pháp khắc phục	Thành viên	KX.01.18/16-20, Đề tài cấp Nhà nước	2017-2020	02/6/2020 Xếp loại: Đạt
II	Sau khi được công nhận TS				

3	Phát triển chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới	Thành viên	KX.01.52/16-20, Đề tài cấp Nhà nước	2019-2021	7/4/2021 Xếp loại: Xuất sắc
4	Đánh giá các nhân tố tác động đến tỷ lệ an toàn vốn hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong quá trình tái cơ cấu hệ thống	CN	CS-2020-38, Đề tài cấp Cơ sở	2020-2021	28/10/2021 Xếp loại: Tốt
5	Khủng hoảng nợ công hậu Covid-19: Tiếp cận bằng hệ thống cảnh báo sớm EWS (Early Warning System)	Thành viên	B2022-KSA-08, Đề tài cấp Bộ	2022-2023	04/05/2023 Xếp loại: Đạt
6	Nghiên cứu tác động lan tỏa của chất lượng thể chế đối với hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	CN	CS-COB-2022-07, Đề tài cấp Cơ sở	2022-2023	29/05/2023 Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Đề tài nghiên cứu khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** 02 đề tài theo số thứ tự [2], [4]
- **Hướng nghiên cứu 2:** 01 đề tài theo số thứ tự [6]
- **Hướng nghiên cứu 3:** 03 đề tài theo số thứ tự [1], [3], [5]

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

Ghi chú:

- Trong phần này ứng viên sắp xếp các bài báo, báo cáo khoa học đã công bố thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ;

- Trong mỗi giai đoạn, ứng viên chia các bài báo thành 4 mục sắp xếp theo thứ tự: Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế; Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước; Bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế; Bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia. Trong mỗi mục này, các bài báo khoa học được sắp xếp theo thứ tự thời gian.

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
I.1	Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước							
1	Yếu tố tác động đến nhu cầu tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa	2		Tạp chí Tài chính, ISSN: 2615-8973			Tập 718, kỳ 1, trang 106-110	12/2019
2	Khả năng tiếp cận nguồn tín dụng phi chính thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	2	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, ISSN: 0868-3808			Số 553, Trang 46-48	11/2019
3	Determinants of The Accesssibility of Vietnamese Enterprises to Capital from Banks and Credit Institutions	2	X	Journal of Economics and Development, ISSN: 2632 – 5330 (Online); ISSN: 1859 - 0020 (Print)			Special Issue, Vol 21, pp.81-95	09/2019
4	Khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay – Thực trạng và giải pháp	1	X	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN: 0866-7120			Tập 679, số 33, Trang 65-68	11/2018
I.2	Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế							
5	The Stochastic Frontier Production Function (SFPF) Approach for the Analysis of Ownership Structure and Technical Efficiency of Construction Enterprises	3		International Journal of Applied Mathematics and Statistics, ISSN: 0973- 7545 (Online);	ESCI (ISI), Scopus		Vol 58, Iss 4, pp. 61-74 http://www.ceser.in/ceserp/	04/2019

				ISSN: 0973- 1377 (Print)			index.php/ ijamas/ article/ view/6284	
I.3 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo quốc gia								
6	Đánh giá các yếu tố tác động đến nhu cầu tiếp cận tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	2		Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, ISBN: 978-604-65-4554-5			Trang 25-44	11/2019
7	Các yếu tố tác động đến khả năng tiếp cận nguồn tín dụng phi chính thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Khả năng và chi phí tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, ISBN: 978-604-65-4170-7			Trang 23-34	04/2019
8	Đánh giá tác động của minh bạch tài chính đến khả năng tiếp cận nguồn vốn của Doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Nâng cao năng lực huy động vốn thông qua minh bạch hoạt động tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam”, ISSN: 978-604-59-7355-4			Trang 16-30	11/2018
9	Các rào cản tác động đến khả năng tiếp cận nguồn vốn chính thức của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Thực trạng Hệ thống tài chính tiền tệ và những tác động đến sự phát			Trang 31-50	11/2018

				triển của Doanh nghiệp Việt Nam”, ISBN: 978-604-65-3717-5				
I.4 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo quốc tế								
10	Overview Of Viet Nam Enterprises In The Period 2011-2017	2		9th NEU-KKU International Conference: “ On socio-economic and environmental issues in development”, ISBN: 978-604-65-3529-4			Trang 855-865	6/2018
II Sau khi được công nhận TS								
II.1 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước								
11	Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ chấp nhận rủi ro của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam	1	X	Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán, ISSN: 1859 – 4093			Số 239, Kỳ 1, Trang 31-35	05/2023
12	Tác động của thể chế đến hiệu ứng lan tỏa từ doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nhà nước đến năng suất lao động của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	2	X	Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán, ISSN: 1859 – 4093			Số 237, Kỳ 1, Trang 44-50	04/2023
13	The impact of Covid 19 pandemic on the operational efficiency of businesses listed in Vietnam	2	X	Journal of Finance & Accounting Research, ISSN: 2588 – 1493			Tập 20, Số 1, Trang 89-96	02/2023
14	Tác động của quản trị vốn luân chuyển đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Tài chính, ISBN: 2615 – 8973			Tập 775, Kỳ 2, Trang 38-41	04/2022

15	Business Risk Acceptance Level – Experimental Evidence from Listed Construction Enterprises in Vietnam	2	X	Journal of Finance & Accounting Research, ISSN: 2588 – 1493			Tập 13, Số 5, Trang 52-55	12/2021
16	An toàn vốn của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN: 0866 - 7120			Tập 769, Số 15, Trang 12-15	05/2021
17	Đánh giá mối quan hệ giữa kiệt quệ tài chính và cấu trúc vốn của các công ty niêm yết trên Thị trường chứng khoán Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế và dự báo, ISSN: 0866 - 7120			Tập 757, Số 3, Trang 32-35	01/2021
18	Đánh giá các yếu tố tác động đến chính sách cổ tức của các doanh nghiệp niêm yết tại Thành phố Hồ Chí Minh	4	X	Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán, ISSN: 1859 – 4093			Tập 209, Số 12, Trang 58-62	12/2020
19	Mối quan hệ giữa tín dụng thương mại và việc nắm giữ tiền mặt của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, ISSN: 0868 - 3808			Số cuối tháng, Trang 68-70	12/2020
20	Các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách cổ tức của các công ty phi tài chính niêm yết tại Việt Nam	2	X	Tạp chí Công thương, ISSN: 0866-7756			Số 29+30, Trang 359-364	12/2020
21	Measuring the determinants for small and medium enterprises in Vietnam with multilogistic model	3		Journal of Economics and Development, ISSN: 2632 – 5330 (Online); ISSN: 1859 - 0020 (Print)			Special Issue, pp. 28-43	03/2020
II.2 Bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế								

22	A Wavelet Analysis of Connectedness between Economic Globalization, Nonrenewable, and Renewable Energy Consumption, and CO2 Emission in Vietnam	2	X (Tác giả đứng đầu)	Sustainable Energy Technologies and Assessments, ISSN: 2213 – 1396 (Online); ISSN: 2213-1388 (Print)	ISI (ESCI); IF=7.632; Scopus; Q1	Vol 57; Article No 103227; pp. 1-8 https://doi.org/10.1016/j.seta.2023.103227	06/2023
23	Nonlinear effects of digitalization on export activities: an emprirical investigation in European countries	3	X (Tác giả đứng đầu)	Technological and Economic Development of Economy, ISSN: 2029-4921 (Online); (ISSN: 2029-4913 (Print)	ISI (SSCI); IF=5.656; Scopus; Q2	Vol 29; Iss 3; Article No 17061; pp.1041-1079; https://doi.org/0.3846/tede.2023.17061	05/2023
24	Influences of Digitalization on Sustaining Marine Minerals: A Path toward Sustainable Blue Economy	2	X (Tác giả đứng đầu)	Ocean and Coastal Management, ISSN: 1873-524X (Online); ISSN: 0964-5691 (Print)	ISI (ESCI) IF=4.295; Scopus; Q1	Vol 239; Article No 106589; pp. 1-17; https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2023.106589	05/2023
25	The importance of digitalization in powering environmental innovation performance of European countries	3		Journal of Innovation & Knowledge, ISSN: 2444-569X (Online); ISSN: 2530-7614 (Print)	ISI (SSCI); IF=11.219; Scopus; Q1	Vol 8; Iss 1; Article No 100284; pp. 1-22 https://doi.org/10.1016/j.jik.2022.100284	02-03/2023

26	An Application of a TVP-VAR Extended Joint Connected Approach to Explore Connectedness between WTI Crude Oil, Gold, Stock and Cryptocurrencies during the Covid – 19 Health Crisis	2		Technological Forecasting & Social Change, ISSN: 1873-5509 (Online); ISSN:0040-1625 (Print)	ISI (SSCI); IF=10.884; Scopus; Q1		Vol 183; Article No 121909; pp. 1-15 https://doi.org/10.1016/j.techfore.2022.121909	10/2022
27	Making the Circular Economy Digital or the Digital Economy Circular? Empirical Evidence from the European Region	2	X (Tác giả đứng đầu)	Technology in Society, ISSN: 0160-791X (Online); ISSN: 1879-3274 (Print)	ISI (SSCI); IF=6.879; Scopus; Q1		Vol 70; Article No 102023; pp. 1-15; https://doi.org/10.1016/j.techsoc.2022.102023	08/2022
28	Unexpected money growth, nonfinancial firms as large shareholders and investment-cash flow relationship: Evidence from Vietnam	3		Journal of Economics and Business, ISSN: 0148-6195	ISI (ESCI); IF=3.025; Scopus; Q2		Vol 119; Article No 106054; pp. 1-12; https://doi.org/10.1016/j.jeconbus.2022.106054	03 -04/ 2022
29	Responses of the international bond markets to COVID-19 containment measures	4		Journal of Risk and Financial Management, ISSN: 1911-8074 (Online); ISSN: 1911-8066 (Print)	IF=2.4; Scopus; Q3		Vol 127; Iss 15; pp. 1-11; https://doi.org/10.3390/jrfm15030127	03/2022

30	Impacts of the blue economy on economic growth in Vietnam	3	X (Tác giả liên hệ)	Indian Journal of Economics and Development, ISSN: 2322-0430 (Online); ISSN: 2277-5412 (Print)	ISI (ESCI); Scopus; Q4	Vol 17; No. 4; pp.777-785; https://doi.org/10.35716/IJED/21200	12/2021
31	Capital structure and operational efficiency of construction enterprises in Vietnam: Approach using the percentile regression method	4	X (Tác giả đứng đầu)	Economics Bulletin, ISSN: 1545-2921	ISI (ESCI); Scopus; Q3	Vol 41; Iss 3; pp. 1357-1373; http://www.accessecon.com/Pubs/EB/2021/Volume41/EB-21-V41-I3-P115.pdf	09/2021
32	Study on the impact of institutions on the labor productivity of private enterprises in Vietnam through the spillover effect from state-owned enterprises	3	X (Tác giả đứng đầu)	Economies, ISSN: 2227-7099	ISI (ESCI); Scopus; Q2	Vol 9; Iss 3; Article No 122; pp. 1-10; https://doi.org/10.3390/economies9030122	08/2021
33	Use of the stochastic frontier approach to assessing the impacts of ownership structure on the efficiency of the construction industry in Vietnam	3	X (Tác giả đứng đầu)	Indian Journal of Economics and Development, ISSN: 2322-0430 (Online); ISSN: 2277-5412 (Print)	ISI (ESCI); Scopus; Q4	Vol 17; No. 1; pp.1-10; https://doi.org/10.35716/IJED/20211	03/2021
34	The application of Logistic model in identifying factors affecting capital access of SMEs in Vietnam	3		Advances and Applications in Statistics, ISSN: 0972- 3617	ISI (ESCI)	Vol 61; Iss 1; pp. 19-32; http://dx.doi.org/10.176	03/2020

							54/AS06 1010019	
II.3 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo khoa học quốc gia								
35	Nợ công ở một số quốc gia đang phát triển: Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	2	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam – lần 2”, ISBN: 978-604-80-6816-5			Trang 191-200	06/2022
36	Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Nhìn lại năm 2021 và triển vọng năm 2022	3	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Kinh tế Việt Nam năm 2021 và triển vọng năm 2022: Ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh đại dịch COVID-19”, ISBN: 978-604-330-227-1			Trang 93-101	04/2022
37	Chuyển đổi số của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid - 19	3		Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Kinh tế Việt Nam năm 2021 và triển vọng năm 2022: Ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh đại dịch COVID-19”, ISBN: 978-604-330-227-1			Trang 204-210	04/2022
38	Xu hướng dịch chuyển nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam	2	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Định hình lại hệ thống tài chính toàn			Trang 460 - 469	04/2021

				cầu và chiến lược của Việt Nam”, ISBN: 978-604-80-5415-1				
39	Ngang giá lãi suất có phòng ngừa ở Việt Nam trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19	2	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Định hình lại hệ thống tài chính toàn cầu và chiến lược của Việt Nam”, ISBN: 978-604-80-5415-1			Trang 497-509	04/2021
40	Thực trạng phát triển doanh nghiệp tư nhân và các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn dịch COVID-19	1	X	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc gia: “Kinh tế Việt Nam năm 2020 và triển vọng năm 2021: Ứng phó và vượt qua đại dịch Covid-19, hướng tới phục hồi và phát triển”, ISBN: 978-604-946-994-7			Trang 662-668	03/2021
II.4 Bài báo khoa học đăng trên Hội thảo khoa học quốc tế								
41	Research on indicators relating to sustainable development of enterprises	1	X	International conference “Sustainable university development opportunity and challenge” (SUDOC 2022), ISBN: 978- 604-80-7563-7			Trang 168-173	12/2022
42	Research on the effect of gender diversity in the board of directors on the profitability of listed enterprises in Vietnam	3	X	International conference on Business and finance 2022 (ICBF 2022),			Trang 1443-1451	09/2022

				ISBN: 978- 604-36-0956-1				
43	Research the impact of the maturity of debt on the stability of the operational efficiency of companies listed on the Vietnam stock market	1	X	International conference on Business and finance 2022 (ICBF 2022), ISBN: 978- 604-36-0956-1			Trang 1452-1458	09/2022
44	Study on the Effects of Corporate governance on enterprise efficiency: Expertive evidence from non-financial enterprises listed on the Vietnam stcok market	1	X	15th NEU-KKU International Conference: “ On socio-economic and environmental issues in development” 2022, ISBN: 978-604-79-3205-4			Trang 446-454	06/2022
45	Attracting Foreign Investment in Vietnam in the New Content: The Current Situation and Solution Orientation	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: “Xu hướng chuyển dịch thương mại và chuỗi giá trị xanh”, ISBN: 987-604-360-176-3			Trang 182-194	12/2021
46	The Impact of Financial Leverage on Corporate Investment: Evidence from Vietnamese Listed Firms	3		The 4 th International Conference on Finance, Accounting and Auditing (ICFAA 2021), ISBN: 978-604-330-144-1			Trang 930-937	12/2021
47	Cú sốc ngoại sinh từ đại dịch Covid – 19: Việt Nam và những câu chuyện về kinh tế xã hội	2		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế dành cho các nhà khoa học trẻ khởi trường kinh tế và kinh doanh năm 2021 (ICYREB),			Trang 15-32	11/2021

				ISBN: 978-604-343-391-3				
48	Improving the Business Environment to Promote Private Enterprises Activities in Vietnam	3		The Third International Conference on: “Finance and Accounting for the Promotion of Sustainable Development in Private Sector” (FASPS-3), ISBN: 978-604-79-2981-8			Trang 39-49	11/2021
49	Influence of institutions on the economic efficiency of Vietnamese construction enterprises	2	X	International conference on Business and finance 2021 (ICBF 2021), ISBN: 978-604-325-669-7			Trang 272-278	09/2021
50	A Study on The Impacts of Foreignn Direct Investment (FDI) and the Effectiveness of Public Management on Economic Growth of the Emerging Countries – Solutions for Post – Covid 19 Era	3	X	International conference on Business and finance 2021 (ICBF 2021), ISBN: 978-604-325-669-7			Trang 279-287	09/2021
51	Analyzing the covered interest parity deviations in Vietnam by using the Pooled Mean Group Method	2	X	13 th NEU-KKU International Conference: “ On socio-economic and environmental issues in development” 2020, ISBN: 978-604-79-2811-8			Trang 483-490	06/2021
52	Influence of capital structure on operational	2	X	International conference on			Trang	08/2020

efficiency of construction enterprises in Vietnam			Business and finance 2020 (ICBF 2020), ISBN: 978-604-3-01914-8			491-500	
---	--	--	--	--	--	---------	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính/ tác giả liên hệ sau TS: **08** bài thuộc danh mục ISI/ Scopus (trong đó có **04** bài có IF>2) – số thứ tự [22], [23], [24], [27], [30], [31], [32], [33] là tác giả chính, số thứ tự [30] là tác giả liên hệ.

Bài báo khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

- **Hướng nghiên cứu 1:** Bao gồm 17 bài báo theo số thứ tự [1], [2], [3], [4], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [16], [21], [26], [29], [34], [39], [51]
- **Hướng nghiên cứu 2:** Bao gồm 22 bài báo theo số thứ tự [5], [12], [13], [14], [15], [17], [18], [19], [20], [28], [31], [32], [33], [40], [41], [42], [43], [44], [46], [48], [49], [52]
- **Hướng nghiên cứu 3:** Bao gồm 13 bài báo theo số thứ tự [22], [23], [24], [25], [27], [30], [35], [36], [37], [38], [46], [47], [50]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Chúng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, số đăng ký 2021-54-1102/KQNC	Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	10/06/2021	Đồng tác giả	18
2	Chúng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, số đăng ký 2020-52-526/KQNC	Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ	16/06/2020	Đồng tác giả	23

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: **02**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

		Tham gia)		vào sử dụng		
Chủ trì/tham gia đề tài nghiên cứu được đưa vào áp dụng thực tế						
1	Đề tài cấp Nhà nước, mã số KX.01.52/16-20: “Phát triển chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới”	Tham gia	QĐ số 3234/QĐ-BKHCN ngày 24/10/2018	Tổng cục Du lịch	CV số 71/ TCĐL-LH ngày 18/03/2021 về việc tiếp nhận kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KKHHCN cấp Nhà nước của trường Đại học KHXXH&NV, Đại học Quốc gia TP. HCM	Kết quả nghiên cứu của đề tài được sử dụng để nghiên cứu triển khai và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn
2	Đề tài cấp Nhà nước, mã số KX01.18/16-20: “Các rào cản tài chính tiền tệ đối với sự phát triển doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng, những vấn đề đặt ra và giải pháp khắc phục”	Tham gia	QĐ số 1094/QĐ-BKHCN ngày 8/5/2017	Ban Kinh tế Trung ương	CV số 4155-CV/BKTTW ngày 13/1/2020 về việc tiếp nhận kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KKHHCN cấp Nhà nước của trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kết quả nghiên cứu của đề tài được sử dụng là tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu và hoạch định chính sách của Ban KTTW

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Nhâm